NĂM THỨ NĂM SỐ 201 Thứ năm, 23 tháng Tám 1943

TRI TÂN

TẠP CHÍ

1$20

TRI-TÂN TẠP-CHÍ
RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC Số 201

Thuyết chính danh và việc đặt tên các phố — *Long-Điền*
Toàn thể nhân dân Việt-nam hãy chiến đấu để củng cố nền độc-lập — *Phạm-mạnh-Phan*
Hương binh — *Tiền-Đàm*
Hạnh thục ca (VII) — *Nguyễn-văn-Tố*
Một vị danh thần triều Nguyễn (IV) — *Trúc-Khê*
Tài liệu định chính văn cổ (LXXXI) — *Ứng-hòe*
Bụi đời gió cuốn — *Cô Lý*
Giấy bạc và giá sinh-hoạt — *Ngô-Công*
Kịch Yêu-ly (I) — *Lưu-quang-Thuận*

***

GIÁ BÁO

Một năm	55$00
Sáu tháng	30,00
Ba tháng	15,00
Một số	1,20

***

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chanceaulme — Hà-nội

***

Đại lý Uỷ Viện ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cừ 40, phố Đông kiều — Hải-dương

Hỡi các bạn THANH NIÊN

Trước sau một việc! Trên dưới đồng lòng! Xưa chiến-sĩ đời Trần đã thích ở tay chữ « **SÁT THẢT** » ta nay cũng thích « **SÁT PHẢP** », vào hàng ngũ, chống lại chế độ thực dân!

Hãy đem máu đào giả nơ non sông!

Nòi-giống ta còn mất là trọng lúc này!

BÁO CÁO CẦN KÍP

Các bạn đọc đã nhận được giấy nhắc tiền báo, xin mua ngân phiếu gửi về tòa báo ngay cho. Cảm tạ.

Ty trị-sự TRI-TÂN

GIỚI THIỆU

— *THẬP ĐẠO TƯỚNG-QUÂN của Nguyễn-khắc-Trạch — bi kịch cổ điển — Hải-phòng nhật báo xuất bản — giá 4$.*

— *NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG truyện ký của Phan-trần-Chúc và Lê-Quế — Nhà xuất bản Quốc-Văn giá 7$50 và 6$50.*

Xin cảm ơn các nhà xuất bản. *T. T.*

THUYẾT CHÍNH DANH VÀ VIỆC ĐẶT TÊN CÁC PHỐ

LONG-ĐIỀN

PHÀM ở đời, cái gì chính đính thì mới tồn tại, mà cái lẽ chính cũng chỉ có một dù cổ hay kim, dù đông hay tây, dù nam hay bắc cũng thay đổi.

Danh có chính thì ngôn mới thuận.

Những việc mà được lòng người, đều là việc chính đính cả.

Nói ngay đến việc lấy tên lịch sử đặt vào đường phố, tỉnh lỵ, tuy không có thể cách nhất định, nhưng xét nghiệm kỹ, thì từ thái cổ đến cận kim, từ tân thế giới đến cựu thế giới, đều theo vào thuyết chính danh, mà có căn cứ vào một vài nguyên tắc chính.

1) Theo việc xảy ra mà đặt.

2) Theo sự nghiệp thành bại mà ghi.

Núi không phải cao mà quý, quý vì có danh nhân ẩn náu; sông, không vì sâu mà trọng, trọng vì có danh tướng đóng binh; cho nên ta thường nói các bậc anh hùng có công tô điểm non sông là thế.

Cổ văn có câu:

Tự cổ giang sơn nhân bất đắc,
Bán quy danh sĩ, bán anh hùng.

Dịch:

Non sông ai dễ để yên,
Bút thần danh sĩ, gươm thiêng anh hùng.

Thành Hà nội có tên là Thăng Long, cũng vì vua Lý Thái Tổ thiên đô về đó, có thấy điềm rồng hiện.

Hồ Hoàn kiếm nổi danh trong lịch sử, cũng chỉ vì vua Lê Thái Tổ, sau 10 năm bôn ba, thu hồi giang sơn, trả lại thần đúc lưỡi gươm linh định quốc.

Gò Đống đa có gì là đẹp đẽ, thế mà nghìn thu tồn tại vẫn thế lưu danh, chả qua chỉ vì cái vũ công oanh liệt của Quang Trung Đế ngày mồng 5 tháng riêng năm kỷ dậu (1789).

Ở nước Tàu, một cái đảo nhỏ ở ngoài bể đông, chỉ vì tiết tháo của bọn Điền Hoành không chịu thờ nhà Hán, mà tên « *Đảo Điền Hoành* » còn ghi trong sử sách, treo tấm gương cao nghĩa để đời cùng soi.

Lại như thành « Hoa thịnh Đốn » bên Mỹ, tỉnh Léningrade bên Nga, v.v... đều để kỷ niệm những bậc vĩ nhân đã tận tụy hy sinh cho non sông chủng tộc.

Xét vậy đủ rõ, việc lấy tên lịch sử đặt vào các phố, không thể ra ngoài thuyết chính danh cho nên ta thường thấy những tên núi tên sông, tên làng, tên phố đều theo di tích, dấu vết của người xưa mà đặt.

Ở Hà nội, xưa có ba mươi sáu phố phường, hàng mứt, hàng đường, hàng muối trắng tinh, phố nào bán thứ hàng ấy. Hải phòng, có quán Bà Mán, có đường Quần ngựa, có ngõ Ba Chùa, có phố Đường Cát, có bến Ngự, có phố Dinh, đều là những tên phố dân gian tự đặt, theo vết xưa dấu cũ của thời gian qua.

Như thế, đủ thấy thể cách đặt tên phố xưa nay cũng vẫn vào thuyết chính danh cả nghĩa là phải tìm khảo những dấu xưa vết cũ của các bậc tiên hiền đã có công tô điểm non sông gấm vóc mà đặt, chứ không nên hồ đồ, nhớ tên nào đặt phố ấy, không có phương pháp thể cách, e danh không chính thì ngôn không thuận vậy.

***

Mới đây, nước ta được giải phóng, ba thành phố được thu hồi, lẽ tất nhiên, tên các phố phải đổi lại theo tình thế bây giờ.

Có ông bạn bàn chia thành

phố ra từng hộ, mỗi hộ sẽ đặt một tên thời đại lịch sử, theo thứ tự thời gian, chẳng hạn :

Hộ nhất là Hộ Hồng Bàng
— nhì — — Tự Trị
— ba — — Đinh Lê
— tư — — Lý Trần
— năm — — Lê thái Tổ
— sáu — — Tây Sơn
— bảy — — Triều Nguyễn
— tám — — Độc Lập.

Trong mỗi hộ, các đường phố, công viên sẽ lấy tên những danh nhân và sự nghiệp của thời đại ấy. Thí dụ : như trong Hộ Hồng Bàng thì lấy tên Hùng Vương, Lạc Long, Văn Lang, Phù Đổng Thiên Vương, Sóc Sơn, Tản Viên. v. v... mà đặt các phố và công viên.

Như trong Hộ Lý Trần, thì lấy tên Trần quốc Tuấn, Trần quang Khải, Lý thường Kiệt Tôn Đản v. v...

Làm thế để dân chúng không những nhớ tên, nhớ việc, nhớ di tích, mà lại còn thuộc được những thời đại quan trọng trong lịch-sử, và nhớ một cách rõ rệt danh nhân nào ở vào thời đại nào.

Ý kiến trên này thật cũng là mới mẻ nhưng xét kỹ thì không tiện và có nhiều phiền phức :

1) Những dấu tích, đền đài đều lầm, không thể nhất luật lấy đặt thời đại nào vào hộ thời đại ấy được ; chẳng hạn như : Hồ Hoàn Kiếm mà ở vào hộ Hùng Vương, đền Hai Bà ở vào hộ Lý Trần, đền Nghè thờ Lê Văn ở vào hộ Đinh Lê.

2) Có khi liền nhau hai dấu tích của hai thời đại, thì khó mà giải quyết.

Như thế, ý kiến của ông bạn trên này không thể thi hành được.

Phi cổ bất thành kim, ta lại cứ phải theo thuyết chính danh là cái luật chung, danh có chính thì ngôn mới thuận.

Vậy cứ như ngu ý, xin tạm bàn lấy ba nguyên tắc sau này

I. — Các đường cứ lấy theo hồ giải mà làm một phố, chứ không cắt làm hai ba phố.

II. Theo tờ Thông tư của ông Bộ Trưởng Nội Vụ thì chỉ nói lấy tên các danh nhân để đặt tên phố, nhưng theo thiển kiến, muốn cho quốc dân không những nhớ tên, mà còn nhớ cả những sự nghiệp lớn lao, rực rỡ, vẻ vang oanh-liệt của các đấng tiên-hiền đã dày công sây đắp, đem tô cho non sông chủng tộc thì nên cho rộng lấy cả các tên những vũ công, chiến trận, quốc hiệu, niên hiệu của các đời biến hách, và cả những tên sông to, núi lớn, thắng cảnh, danh lam trong nước.

III. Danh nhân, lấy nghĩa rộng là những người có tên trong lịch sử ; nhưng lịch sử ghi các việc sẩy ra, nên chép cả người hay kẻ dở, vì thế trong lịch sử có cả gian thần tặc-tử. Trong trường hợp này, phải lựa trọn những danh nhân có khí tiết, ngay là vua, tất phải là anh quân ; quan tất phải là trung thần ; tướng, tất phải là lương tướng và những đại gia văn tự, hiếu nữ, anh hùng, trung trinh liệt nữ, chứ còn những kẻ gian tà, sàm nịnh, ỷ thế, cậy quyền không làm được việc gì ích cho dân nước, thì không nên trọn.

Đến như những kẻ, hoặc vì sự phụ bọn thực dân, hoặc vì dựa thế lực của người Pháp mà có địa vị, danh vọng trong thời Pháp thuộc thì cũng nên bỏ. Việc lựa trọn danh nhân này cũng rất quan trọng, phải có lòng vô tư mà xét đoán, tiếng thế, việc này cũng là một cách phẩm bình sự nghiệp tư cách của các danh nhân trong lịch sử

Cũng có người có tài, có danh, nhưng khí tiết không có, cũng đành phải bỏ.

Phạm-vi bài này, không phải là bà phê bình nhân vật quốc sử, nhưng tôi cũng tạm đề-cử một vài vị :

Thí dụ : *Trần-thủ-Độ* là công thần của họ Trần mà là phản thần của họ Lý, sự nghiệp không có gì ảnh hưởng đến toàn thể quốc dân :

Hồ quý-Ly có tài cải cách, có chí sáng kiến, nhưng giá cứ dùng tài chí ấy mà phụng sự quốc gia để gây hạnh phúc cho dân chúng, thì nghìn thu không mờ tiếng, vạn thế phải gai ơn. Nhưng, than ôi ! lòng tham không đáy, ích kỷ hại nhân, thi hành sự thoán đoạt, thế đến nay vẫn mang tội phản thần :

Kể còn nhiều, phải lấy trí sáng suốt vô tư mà xét định, vậy những bực học giả đương cái việc đề tên các phố xin phải hết lòng chú ý.

Theo ba nguyên tắc trên và theo thuyết chính danh thì việc lựa trọn tên lịch sử để đặt tên các phố phải tùy địa phương mà căn cứ vào những điều sau này :

1·) Phải khảo cứu xem nơi nào có dấu tích gì của bực danh nhân nào, thì lấy ngay tên những vị ấy đặt tên phố đó.

2·) Phải khảo xét xem những bực danh nhân nào có liên lạc, xa, gần nhiều ít với thành phố hoặc có làm việc gì có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến địa phương hoặc có qua chơi, ẩn nấp, trú ngụ, đồn binh, mộ lính trong địa hạt, thì nên lấy tên đặt phố.

3·) Nếu theo hai điều trên mà thành phố nào ít có di tích của cổ nhân, thì phải lấy những tên các bậc vĩ nhân trong nước, và rộng tìm tài liệu ở nguyên tắc II trên.

***

Về thành phố Hà-nội, đã có nhiều báo bàn luận, và ngay trong tạp-chí này, ông bạn Nguyễn-Tường-Phượng cũng đã có bàn trong bài. « *Góp ý kiến trong việc sửa đổi tên các phố trong tỉnh Hà-nội* » ở số 197 ngày 26, 7, 45.

Nay đến thành phố Hải phòng, theo những thể cách và nguyên tắc đã nói trên, tôi xin kể dưới đây một vài dấu tích xưa mà tôi được biết, và một vài danh nhân có ảnh hưởng đến thành phố Hải phòng.

1·) *Phạm-phú-Thứ* — Từ năm giáp Tuất (1874) Triều-đình bất đắc dĩ phải ký hòa ước với nước Pháp ngày 15-3-1874, theo điều khoản thứ 11, phải mở cửa bể Ninh Hải (tức là Hải-phòng) cho vạn quốc thông thương. Sau khi ký hòa ước và thương ước, triều đình lại cử ông Phạm-phú-thứ, đang làm Thự Thượng Thư Hộ Bộ, ra làm Hải-An Tổng-đốc (Hải-dương và Quảng-An) sung chức Tổng-lý Thương-chánh đại thần. Khi lấy ông lập ra Hải-phòng và đặt Nha Thương Chánh, hiện nay còn di tích, bên đường đầu cầu Joffre ở bên Hạ-lý.

Để ghi việc trên, con đường phố tây (Paul Bert) về đến cầu Ciment, ở Hạ Lý qua cầu Joffre đến tận ngã sáu, tưởng nên đặt là con đường Phạm phú Thứ thì rất phải.

Cái cầu Joffre ở gần Nha Thương Chánh xưa hiện còn di tích đó, nên đổi đặt là cầu Phạm-phú-Thứ.

2·) *Thành-Thái.* — Năm 1902 ra Bắc dự lễ khánh thành cầu Sông-cái Hà-nội, có tới Hải-phòng đỗ ở bến (ngay nhà thương tây cũ); bến đó vẫn gọi là Bến Ngự tức là vua Thành Thái ngự ở đấy lên bộ. Vậy con đường thẳng từ bến Ngự qua nhà thương cũ, nhà Bưu điện, gồm phố La-Côm, phố Cầu-Đất, cả đường Lạch Tray đến Cầu-Rào, nên đặt tên là đường Thành-Thái.

Cầu Rào cũng vì thế nên đổi là Cầu Thành-Thái.

3·) *Bảo-Đại.* — Khi vua Bảo-hành, tới Hải-phòng có ở một tòa nhà tại con đường Beaumont nay nên đổi phố đó gọi là phố Bảo-Đại

4·) *Phạm-tử-Nghi.* — Đức thánh Nệm ở vùng Đôn-Nệm, vậy xin lấy con đường từ cầu Lâm Hạ tức là Cầu Nệm, thẳng đến phố Bonnal qua nghĩa địa tây, gọi là đường Phạm-tử Nghi.

Cầu Lâm-Hạ, cũng vì thế, nên đổi là cầu Phạm-tử-Nghi.

5·) *Ngô Quyền.* — Một vị anh quân nổi dấu Bà Trưng mở nền độc lập cho nước nhà trước Đinh, Lê, Lý, Trần hiện có thờ ở miếu Ba-Xã, gần huyện Hải-An, dân chúng rất tôn sùng thường kiêng chữ Ngô, nên gọi cây ngô là bắp. Vậy nên lấy con đường từ phố Bonnal, gồm phố Mein sau đền Nghè ra đường mới mở thẳng đến trường học Hải-An, gọi là đường Ngô-Quyền.

Trường học Hải-An, nhân thế cũng nên đổi gọi là Trường Ngô-Quyền để học trò hàng ngày nhớ đến sự nghiệp và công lao của vị anh quân đó.

6·) *Lê Chân.* — Nữ tướng Bà Trưng có thờ ở Đền Nghè, dân chúng cũng rất tôn sùng hay kiêng chữ chân không dám gọi, nên thường gọi cái chân là cẳng. Vậy xin đặt con đường cạnh đền, thẳng gồm cả phố Chavigaon (Cố-đạo) là đường Lê Chân.

Trường con gái ở ngay trước cửa đền, nhân thế cũng nên đổi là Trường Bà Lê Chân thì thật hay mà lại có ý nghĩa.

7·) *Bạch-Thái-Bưởi.* — Một kiện tướng trong nghề hàng hải nước ta, có nghị lực, có quả cảm người ngoại quốc phải nể sợ, thật là một người anh kiệt làm vẻ vang cho giống nòi. Lúc sinh thời có đặt trụ sở của ông ở phố Ba-ty, ngôi nhà ngay hiệu Boethet Charnière cũ, hiện nay là Đại-Á tửu lâu. Vậy xin lấy con đường gần từ vườn hoa Jules Ferry gồm phố Ba-ty, phố khách thẳng xuống phố Hàng Cám gọi là đường Bạch-Thái-Bưởi thì thật đúng cả dấu tích lẫm liệt khí của ông, vì ông là một nhà doanh nghiệp nên để vào một con đường buôn bán sầm uất.

(Xem tiếp trang 17)

Trước giờ cứu quốc

TOÀN THỂ NHÂN DÂN VIỆT NAM HÃY CHIẾN ĐẤU ĐỂ CỦNG CỐ NỀN ĐỘC LẬP

PHẠM MẠNH-PHAN

CHIẾN tranh đã kết liễu.

Các tù binh pháp và các Pháp kiều đã lăm le muốn khởi sự để gây lại nền bảo hộ ở xứ này.

Hai chiếc tầu ngầm Pháp đã xuất hiện ở cửa bể Hải phòng nghe đâu để nhờ một võ quan Mỹ đứng điều đình với binh gia Nhật trao lại quyền cai trị trong toàn lãnh thổ Đông Dương cho họ như xưa.

Chính phủ lạc hậu De Gaulle đang điều đình ngoại giao với tổng thống Mỹ Truman để ủng hộ thủy sư đô đốc Darganlieu sang làm toàn quyền Đông Dương.

Ngoài ra lại nghe đâu hơn năm nghìn sĩ quan và binh lính Pháp chạy trốn sang Tầu sau cuộc đảo chính hôm 9-3-1945 đang sửa soạn trở lại đất này với những khí giới họ đã mang theo.

Đồng thời ở ngay đây, các Pháp kiều đang vận động để binh gia Nhật trả lại khí giới họ bị lột khi trước để rồi chém giết đồng bào ta. Các người Pháp được tự do ở trong thành phố đang âm mưu sắm sửa các khí giới và súng ống để đợi ngày khởi sự. Tỷ dụ hôm chúng kinh tế Việt nam luôn trong hai tuần lễ nay khám phá được mấy nhiều khí giới của bọn Pháp đã tích trữ để trả thù chúng ta.

Thái độ khiêu khích của phần đông dân Pháp từ sau khi có tin đình chiến Nhật với Đồng Minh đã làm nổi rạng tổng công phẫn của toàn thể dân Việt.

***

Trước bao nhiêu tin dồn dập đang lo ngại toàn thể nhân dân đều hồi hộp từng giây từng phút.

Không bao giờ bằng lúc này, hết thảy mọi người trong các giới đều sôi nổi trước những sự âm mưu ghê gớm của quân tham tàn định lại dày xéo lên đất nước này. Một cuộc biểu tình lớn hơn 20 vạn người đủ cả giới đã diễu qua các phố trong tỉnh Hanoi và hô các khẩu hiệu chiến đấu!

Giờ nghiêm trọng đã tới!

Chuông cứu quốc đã vang rậy khắp mọi nơi!

Trước cái họa chung của giống nòi, những ai là người Việt-nam hãy sẵn sàng để đối phó và tránh cái họa diệt vong cho người đồng chủng.

Hãy đứng hết cả dậy, hỡi các bạn! Lịch sử của đất nước đón ở chúng ta những trang vẻ vang oanh liệt.

Hãy chiến đấu một còn một mất. Không bao giờ chúng ta, con cháu những bực anh hùng cứu quốc khi trước như Trưng Trắc, Trưng Nhị, Lê Lợi, Quang Trung và nhiều vị khác, lại chịu uốn mình làm tôi tớ bọn thực dân Pháp một lần nữa.

Ở trên dải đất này họ từ sau hôm đảo chính không còn là người đồng bộ ta nữa. Cái kết quả sau non thế kỷ dưới quyền họ là trên hai triệu đồng bào ta đã phải chết thê thảm trong cơn đói rét!

Trông thấy bóng họ, ta gớm!

Nhìn thấy mặt họ, ta tởm!

Chỉ những kẻ vô liêm sỉ mất cả cá tính con người mới tay bắt mặt mừng với họ.

Chúng ta hãy vạch một con đường máu trên lịch sử để duy trì nền độc lập của nước nhà.

Trước quốc nạn, chúng ta hãy cùng nhau cam kết đánh đuổi kẻ thù chung.

Trăm nghìn người như một. Hãy họp thành một khối duy nhất để gây lực lượng lớn lao cho nòi giống.

Trong lúc này chia rẽ là đi tới cõi diệt vong và giúp cho kẻ địch lợi dụng thời cơ để phản tuyên chuyền của ta.

Không có người Việt-nam nào cộng sản, bảo hoàng hay xã hội hay dân chủ.

Chỉ có người Việt nam da vàng chống lại nạn xâm lăng của giặc Pháp.

Không có ai là trí thức hay lao động là tư bản hay vô sản.

Chỉ có người thanh niên, một lòng hăng hái đánh đuổi quân cướp nước ra khỏi bờ cõi.

(Xem tiếp trang 20)

HƯƠNG BINH

TIÊN ĐÀM

CHIỀU thứ bảy, 11 tháng tám dương lịch, trên màn ảnh rạp chiếu bóng Eden có chiếu những thời sự ở Đông-Dương. Một điều đáng làm cho tôi chú ý nhất là đoàn quân nghĩa dũng ở Cao Mên, Nam bộ và Bắc bộ đang huấn luyện và thao diễn dưới sự chỉ bảo của võ-quan.

Những thanh niên sung vào các đạo binh nghĩa dũng đều được lựa chọn rất cẩn thận.

Hơn lúc nào hết, đứng trước tình thế hiện thời của nước nhà chúng ta cần phải có một đạo quân nghĩa dũng rất hoàn bị để phòng sự bất trắc và cả nạn ngoại-xâm nữa. Đáp lại tiếng gọi của Tổ quốc, thanh-niên cần phải sẵn sàng hi-sinh trong lúc này, ngoài ra các làng tuy có đặt Bảo an nhưng chưa hẳn đã hoàn bị, sao ta không phỏng theo lối hương binh dưới triều Cảnh Hưng nhà Hậu Lê mà tổ chức thêm.

Để hiến tài liệu cho các nhà quân sự tôi xin phép trích dịch mấy đoạn trong các tờ chiếu dụ đời ấy :

Năm thứ hai niên hiệu Cảnh Hưng, đời Lê Hiển Tông (1741) ban chỉ dụ cho các xứ Sơn Nam, Sơn Tây và kinh Bắc như sau đây :

« Kén chọn quân lính là để giữ gìn lương dân, trấn áp trộm giặc. Nay bọn giặc ở Hải dương trấn trách chưa giết được, không những cướp bóc tham tàn mà thôi, làm cho sôi nổi một phương, khiến người đi lại phiền nhiễu, đến nỗi ba trấn chưa yên ; những người giữ trách nhiệm yên dân, sao nỡ để điềm nhiên ; ta ngày đêm lo nghĩ, một lòng thương dân cứu vớt kẻ tai nạn, cốt tùy thời chế nghi, vì thế chọn văn võ trọng thần làm Chưởng đốc hết thảy giao cho công việc quản dân một xứ, cho chiếu theo các huyện trong hạt, chiếu theo nhân xuất, chọn lấy hương binh, ba đinh lấy một, hoặc hoàng nam (đến 18 tuổi gọi là hoàng nam) ít mà đinh số nhiều, cho chiếu thực số lựa chọn, và tùy chỗ đặt ra đồn trại canh phòng trộm giặc. Đấy là cam sự ác, giữ lương dân, công việc nên làm gấp, nên kính cẩn đức ý của Triều đình, nghĩ một lần khó nhọc chín lần thong thả, nên cố sức gia công, nếu viên quan nào tỏ lòng trung nghĩa, củ hợp dân đinh, đi theo đánh giặc, cho kê rõ số binh đinh, nộp ở quan Chưởng Tổng-đốc, nên chiếu số nhiều ít để nghị ban thưởng như văn thì từ chức giám sinh giở lên, võ từ thuộc viên giở lên, thị nội giám từ chức phụng thị giở lên và các chức tạp lưu nếu quả thực cử hợp những dân đinh trong làng hay trong tổng từ 100 người giở lên được thưởng một trật, 200 người giở lên được thêm dần dần như được 50 người giở lên chưa đủ số 100 thì cho miễn nhiều có thứ tự.

Năm Cảnh Hưng thứ ba (1742) vì nhờ phép mộ hương binh các vệ linh ở phủ đã có kén hương binh sung vào. Lại có chiếu dụ như đây :

« Binh là việc lớn trong nước sở dĩ giữ gìn nhà nước, trấn áp được giặc cướp, ngày xưa nhà Ân, nhà Chu binh với dân hợp làm một, trông cõi được yên ổn.

Đến đời Đường đặt phủ binh ở các vệ, có cái tiện làm lính, không có cái phí nuôi lính, phép ấy tất là bắt chước đời xưa.

Nước Việt ta từ đinh, Lý Trần đến triều Lê ta binh Ngô đều kén chọn những đinh tráng 4 trấn sung vào đội ngũ hãy còn ở sổ sách. Bắt đầu từ đời Trung hưng, tuyển dùng quân 2 xứ Thanh Nghệ ở kinh trước hầu, gần đây cũng có lúc kén quân 4 Trấn định làm sổ quân, nhưng mà có lúc kén chọn thải về, không có chuẩn định, nay những bọn giặc cỏ nổi dậy như ong, chốn biên giới chưa yên, quân 2 xứ thường bị sai đi, thành ra riêng chịu khó nhọc, khổ sở, tuy thỉnh thoảng có kén lấy hương binh,

(Xem tiếp trang 20)

Hạnh Thục Ca

của NGUYỄN - THI - BÍCH

35 7

Ưng-hoè NGUYỄN-VAN-TỐ

Nào ngờ nhiều nỗi chẳng may,
Tức-vì (1) sáu tháng, bệnh rày lại mang.
Hết lòng khấn vái thuốc thang, (2)
Gẫm âu số-mạng, ý khôn cải trời.
Nương mây phút sớm tếch vời,
Năm thân (3) tháng sáu rụng rời cành xuân.
Tưởng ơn quyến cố truân-truân,
Mười phần báo bổ, chút phần chưa đền.
Luống làm tiện việc chẳng kiêng,
Bồi-lăng (4) nay cũng phụ bên cấm thành.
Nghĩ đời nhiều chuyện trớ-trinh,
Bỗng đâu lại có sự sinh nhường này!
Di-ngôn cũng có lời nay
Cũng là niên-thiếu em rày khiến trao.
Thật chẳng nào dễ biết nào,
Nghe rằng di-chúc truyền giao phụ-thần.
Kỳ anh với lại Gia-hàng,
Đem lời phải chẳng phân trần tâu qua.
Phán rằng : « Việc có quan-gia, (5)
« Để xem triều-sĩ nói ra thế nào ?
« Nóng lòng cạn nghĩ không nao,
« Phên dậu đã dễ mèo cào đặng vay.
« Tiên-mưu vốn đã định rày
« Lường là rước vạ chẳng hay giữ mình.
« Lượng trên hạ chẳng thấu tình,
« Chín lo nội loạn triều-đình khôn an. »
Dụ truyền « Di chúc có ban,
« Bảo-phò phò mặc các quan lo lường. »
Mừng thầm quốc-binh quyền đang
Làm phò thiếu-chúa chi màng trưởng-quân.
Ấy việc ý khôn phân
Cơ-quan quỉ-quyệt, ai chẳng lắc đầu.
Chẳng lo nghị-luận về sau,
Còn kia cốt nọ chắp nhau lạ nhường!
Để lòng ai dám nói bàn,
Việc Đình-Phùng độ ngay can ích gì.
Cùng nhau vâng thuận một bề,
Hãy xem việc nước an nguy sau này.

Không ngờ có nhiều nỗi chẳng may, là vua Kiến-phúc lên ngôi mới được sáu tháng (từ 30 tháng 6 năm qui mùi, tức 29-11-1883), thì mang bệnh, triều-đình hết lòng cúng vái và thuốc thang... Gẫm ra sống chết có số, không thể cải được mạng trời ; cho nên vụt chốc vua Kiến-phúc đã vội lên tiên, vào mùng 10 tháng sáu năm giáp-thân tức 31-7-1884. Tưởng đến ơn trên quyến-cố, thì mười phần chưa báo-đáp được một phần. Muốn làm cho tiện việc không kiêng-kị gì, bèn táng vua Kiến-phúc ở Bồi-lăng phụ bên Cấm-thành. Nghĩ đời nhiều nỗi trớ-trinh, bỗng không lại sinh ra những việc chẳng lành ! Nguyên khi vua Kiến-phúc băng, có di-ngôn giao quyền cho người em nhỏ tuổi, là Ưng-Lịch, tức Hàm-nghi. Thật hay giả cũng không ai biết, chỉ nghe rằng có giao di-chúc cho phụ-chánh đại-thần, đức ông Kỳ-anh và Gia-hàng đem lời phải trái để phân trần, thì có chỉ truyền rằng : « Việc có quan-hệ đến nhà vua, tôi để xem triều-đình sĩ-thứ bàn luận thế nào ? Nóng lòng nghĩ nông-nổi thì không nên, vì như cái phên dậu thì mèo cào sao đặng ? Bàn định gì cốt phải dự mưu trước, đừng để rước lấy cái tai-vạ vào mình. Lượng trên hạ chẳng biết hay sao ? Chỉ sợ trong nước nổi loạn thì triều-đình không yên. » Dụ truyền rằng : « Có tờ di-chúc, về việc phò vua giúp nước thì phò nước cả quan. » Mừng thay thế nước lúc bấy giờ, ai cũng làm lăm phò thiếu-chúa, chứ không màng đến trưởng quân. Những việc ẩn-vi không ai phân được, thật là cơ-quan quỷ quyệt ai mà

chẳng phải lắc đầu? Chẳng cần gì về sau khen chê, cảnh kia cội nọ chắp nhau thật là tùng l' Ai ai cũng chỉ để bụng mà không dám nói, xem như việc Đình-Phùng năm trước, là trung thần ra cau, mà chẳng ích gì. Đành cùng nhau chịu thuận một bề, chờ xem việc nước về sau yên hay nguy thế nào.

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

1) Tức vì do chữ tức vị nghĩa là lên ngôi vua.

2) Câu trên chữ « thang » mà câu dưới chữ « khôn » thì hình như lạc vận, nhưng tiếng Huế thường không phân biệt chữ n với ng, có lẽ đọc theo giọng Huế thì hiệp vận chăng.

Đoạn này bà Nguyễn-thị-Bích chép là « Hết lòng khấn vái thuốc thang », nhưng sách tây lại chép như sau này : « Bà Học-Phi là vợ thứ ba vua Tự-đức, nuôi dạy vua Kiến-Phúc (tức ấy còn gọi là Mệ-mền), cho nên ngay khi vua Kiến-Phúc mới lên ngôi, bà Học-Phi có quyền thế lắm, vì vua tin cậy hết cả ở bà. Nguyễn-văn-Tường quen biết bà Học-Phi đã ít lâu, có người xấu bụng nói vụng rằng ông ta đối với bà có cái cử chỉ quá ư tôn-kính, không hề bỏ sót một dịp nào để gặp bà, mà khi vua Kiến-Phúc mắc bệnh đậu mùa, ông ta lại càng chăm-chút đến vua cùng đến bà trông nom vua. Vua Kiến-Phúc đã nhiều lần thấy ông châm thuốc lá của ông đưa cho bà mẹ nuôi hút, nhưng vua không nói chi hết. Có một đêm vua hình như thiu thiu ngủ, nghe thấy hai người nói chuyện, vua để cho Tường nói ít lâu, rồi bỗng chốc quát to lên rằng : « Tao lành, tao chặt đầu cả ba họ ! » Phụ-chánh thấy ngay, đến nơi nhưng tự nghĩ rằng : mình chẳng phải đi đâu cứ triệt kẻ nhân đông là hơn cả. Rồi xuống thái-y-viện, ở đấy đã làm thuốc cho vua rồi, nhưng Tường xét ra không hay, bèn bốc theo cách riêng của mình. Bà Học-Phi thì khuyên vua uống. Đến sáng hôm sau thấy chết cứng ra. Hôm ấy là mồng 10 tháng sáu năm giáp thân, tức 31 tháng 7 năm 1884. Lên ngôi được tam tháng, đến hôm sau người em ít là Ưng-Lịch lên thay, hiệu là Hàm Nghi.

« Đầu tháng tám tây năm 1884, Lê-na (Rheinart) được tin Cha Thơ (là thông-ngôn chính-thức ở Thương bạc) báo cho biết rằng : vua Kiến-Phúc chết vì ốm đã lâu, nay em lên thay. Lê-Na kháng cự, thấy triều-đình rõ ràng phạm hiệp ước A-nam (Harmard) bèn xin mệnh-lệnh ở bên Ba-lê (Paris) (Giun Phe ly Jules Ferry) điện tín cho quan sáu Mi-ô (Millot) lập tức cho một liên đội vào Huế để giữ thành và tôn vua mới là vua Hàm-Nghi. Quan năm Ghe-li-ê (Guerrier) lĩnh công-việc ấy. Cùng với 600 lính và hai pháo đội xuống tàu Ta-lờ (Tarn), đi thẳng vào Huế, chẳng mấy ngày đến nơi, thì cửa thành đóng, nhưng rõ-ràng là không sửa soạn gì để kháng-cự cho chắc chắn. Ghe-li-ê bắt mở cửa thành, thì phụ-chánh Tường nói lẩng ra việc khác, rồi lấy cớ là hiểu lầm với Lê-Na, nên gần lòng điện-đình để kỳ một tờ hiệp-ước khác. Ghe-li-ê cho người trả lời rằng hiệp-ước Ba-tơ-nốt (Patenôtre) vẫn thi-hành, nếu trong hạn 12 giờ mà không làm theo ý ước, thì sẽ bắn vào cung điện. Ngày 16 tháng 8 năm 1884, vào khoảng ba giờ chiều nghĩa là trước khi hết hạn một tý. Nguyễn-văn-Tường đến Công-sứ-quán để xin với Ghe-li-ê và Lê-Na hoàn toàn qui phục. Lê-Na nói ý rằng : cần lẽ công-bằng thì hai phụ-chánh phải đệ lên hội đồng quân-phán (tòa án binh), nhưng Ghe-li-ê cũng muốn cho xong chuyện, nên nhận lời xin lỗi của hai phụ chánh, rồi cùng họp ý đến sáng hôm sau sẽ tôn vua Hàm-Nghi. Ngay khi Nguyễn-văn-Tường trở về, Ghe-li-ê đi ra Mang-cá, cho kéo cờ Pháp ở chỗ trại lính bây giờ. Đến 9 giờ sáng hôm sau là 17 tháng 8 năm 1884, Ghe-li-ê và Lê-Na cùng 25 quan binh vừa thủy vừa bộ đem 160 tên lính đi vào cung điện. Ông ta không đeo gươm, vào cổng giữa, đi theo sân ngoại-lộ để chống không, tới tận ngai đăng vua tâm Bửu đầu bội-tinh hạng nhất. Lúc trở về thì cửa giữa đóng, phải đi ra cửa bên.

« Lê-Na cùng với quan năm Ba nô (Pernot) làm gấp việc đóng trại lính ở Mang-cá. Còn Tường, thì như người ta đã đoán trước, càng ngày càng rầy rà, viện cớ rằng tờ hiệp ước mới kỳ chưa phê-chuẩn, điều thứ 5 (là điều đặt quyền bảo hộ (bị ép phải ký, nay nước Pháp đem quân đến đóng như thế, sẽ làm cho lương dân rối loạn, v.v.) » (Dịch một đoạn ở bài A. Delvaux Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam, đăng trong Bulletin des Amis du Vieux Huế, năm 1941, tr. 251-253).

3) Năm thân là năm giáp-thân dương-lịch là năm 1884

4) Bồi-lăng là tên lăng vua Kiến Phúc.

5) Quan gia là ngôi thiên tử, do chữ « tam vương quan thiên hạ ngũ đế gia thiên hạ », có viết quan gia » nghĩa là « đời tam vương (Hạ Thương Chu) coi thiên hạ là việc của mình, đời ngũ đế (Phục-hi, Thần-nông, Hoàng-đế, Nghiêu, Thuấn) coi thiên hạ làm nhà của mình, nên gọi vua là quan gia ».

Vũ phạm Khải

MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THẦN TRIỀU NGUYỄN

Số 4

TRÚC-KHÊ

Đọc những bài thơ ở phần biến-phong biến-nhã trong kinh Thi, ông nói:

— Đó là những bài thơ của người hiền - nhân quân-tử thương thời xót tục, lo giềm sợ chê mà làm ra.

Đọc những thơ Bạch-hoa, Nam-cai, nói:

— Người con hiếu được nuôi cha mẹ, thật là khó thay!

Đọc sử đời Ngũ-đại, nói:

Cái tiết của kẻ làm tôi thật sạch nhẵn như ngát có chăng chỉ còn được một mình Hàn Thông.

Bàn về văn nói:

— Văn đời Tây-hán trọng hậu có khí lực.

Bàn về thơ nói:

— Thơ suốt đời Đường, không thơ nào cao bằng thơ Đỗ (Đỗ phủ), chẳng những phép tắc chặt chẽ mà lời lời ưu ái càng không có thơ của nhà được.

Đọc thơ Đào Uyên-minh đến câu «Thái cúc đông ly hạ, du nhiên kiến Nam-sơn» (1), nói:

— Ông cụ này rất nhiều ưu ái, cái tâm sự trong câu thơ đó, cũng càng một tâm sự với việc thường đề niên hiệu nghĩa-hy (2).

Bàn về khoa cử ông nói:

— Rất hại cho tâm-thuật, vì nó trói buộc người ta quá. Nhưng ông Chu, ông Trình cũng còn phải theo, làm thế nào mà không học được.

Nói về thức-lượng ông, nói:

— Sự biết không rộng thì cái lượng phải hẹp, cái lượng không thể học mà hay, cái biết có thể học mà đến.

Nói về khí-lượng, ông nói:

— Lượng là cái đồ để đựng vật, lượng mà không lớn thì đựng vật dễ phải tràn đầy.

Hoặc có người ngờ không hiểu nếu sinh ở đời nay sẽ khó dung được, ông nói:

— Chỉ bậy. Thử xem đời nay, ai hơi có tiếng tăm, tất được quân thương kính mến, huống chi là bậc thánh hiền ư?

Hỏi về các quan đại-thần, ông nói:

— Nguyễn công-Trứ, Nguyễn đăng-Giai mà chết thì còn nói gì. Hoàng Đồng, Bùi Quỹ, Phạm Khoái, Đỗ Quang, Đặng quốc-Lương, Vũ đức Giai, Trần văn-Chương là những người tốt. Hà Duy-Phiên, Phạm chi-Hương là những người có tài. Nguyễn văn Tân, Nguyễn văn Tường, Trần đình-Túc là những người làm được việc.

Khen Ngô thế-Vinh, Nhữ Bá-Sĩ là những người tham biết rộng. Phê bình văn của Nguyễn văn-Siêu là nhiều thịt. Ngụy Khắc-Tuần và Trương Quốc-Dụng thì khen là học vấn xứng với khoa mục. Phạm văn-Nghị, Trần văn-Vi thì bảo là người thuần thành. Lê văn Hy, ông Ích-Khiêm, Nguyễn duy-Tự, Nguyễn Tiến-Lục thì khen là nói chuyện kể cũng sảng khoái.

Lại thường nói:

— Ta xem những bậc hiền nhân quân tử đời xưa, lập được nhân cách làm được công nghiệp, đều là người lặng lẽ, trì trọng, thưa nói cười, ít thị dục; còn những kẻ chỉ có cái tài tỏn mỏn, cái sủng nhỏ nhỏ, lanh chanh, láu táu, nông nổi cạn hẹp, thích động tác, hay nghị luận; đều không thể làm nên trò gì.

Lại rằng:

— Ta đọc sách mỗi đến những chỗ *của tư tử vật*, *tam quý* của người quân tử, cho đến *kính châm* của Chu-tử, *tâm châm* của Phạm

Tuất, chưa từng không vỗ quyền than rằng: « Thánh hiền thiên ngôn vạn ngữ nhưng cái chết lớn vẫn không ra ngoài được chỗ đó ». Ta lấy làm hổ thẹn phàn nàn là chưa theo được như vậy. Ngày nay người ta học tập, tuy không ngoài được lối văn khoa cử, nhưng tìm đến chỗ đứng của lòng, rất không nên rời khỏi cái chính-mạch đó.

Ấy học vấn tư tưởng của ông đại khái như vậy.

Ông tuy ở nhà nhưng các công khanh đại phu nhiều người nhớ mến hoặc thư từ trao gửi, hoặc đi qua miền tất ghé vào chơi thăm. Ai đem những việc lợi, hại, hay, dở đương thời ra hỏi, ông biết đầu nói đó không điều gì giãi giếm.

***

Vũ Phạm Khải bãi quan ở nhà, thấm thoắt đã được bảy năm. Đến năm Tự-đức thứ 9, tuổi ông đã 50 lại tiếp được mệnh triệu vào kinh lĩnh chức. Khi được triệu mệnh, lòng ông phân vân mãi. Sau vì nghiêm đường cố khuyên, bạn thân thúc giục, ông mới quyết kế lên đường. Vào đến Kinh thì đã tết năm, đầu xuân năm thứ 10, mới vào triều kiến, được trao chức Hàn-lâm viện thị-độc, sung làm Biên tu ở Quốc-sử quán. Ông lại trở vào quán, phần lo về những nỗi sàm báng, phần buồn vì xa cách thần hôn, tiến thoái ngại ngùng, nhưng rồi nghĩ cứ việc yên theo số phận. Ngoài giờ soạn sách, lại cùng các bè bạn chơi bời, sớm tối, như các ông Bùi Qũy, Tô Trân, Phạm Hữu Nghi, Đặng Quốc Lương, Trần Văn Vi, Lê Lượng Bạt, Hồ Sĩ Tuấn, đều là những chức viên trong quán, và ông Phạm Chi-Hương Lại bộ Tham-tri, ông Đỗ Quang, Lại bộ Tả lang. Các ông Trương Quốc-Dụng, Tôn-thất Bạp Nguyễn Tự-Giản, Vũ Duy-Thanh, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Huy cũng thường qua lại. Còn các ông Trần Huy-Tích, Trần Văn-San, Ngô Công-Độ, Lê Tuấn, Đặng-Trần Chuyên, Phan Nhật-Tỉnh thì đều lui tới mà giữ lễ là kẻ lớp sau.

Chưa bao lâu, giặc Pháp phạm vào Quảng-nam và Gia-định, quân ta cùng giặc giao chiến thường bị thua luôn, nhân thế mà có nhiều người xướng nghị việc hòa. Ông thay các bạn đồng quán thảo và dâng lên một đạo sớ, nói cái hại của sự giảng hòa và bàn cử chiến tướng ra trận. Đó là đạo sớ thứ nhất dâng lên khi hòa nghị mới nhóm. Ông nói với các bạn:

— Nay mai vấn đề tranh chấp chỉ là chiến với hòa, nhưng chiến mà thắng thì cái thuyết hòa không cần phá cũng phải tự vỡ, chỉ sợ cứ thua [illegible] mình cần hòa cũng không được.

Ông bèn làm bài luận « *Hòa nhung* », buộc lỗi cho những chiến-tướng ngoài mặt trận, khiến nhiều người không bằng lòng.

Bấy giờ ông Mai-xuyên Trần Ái ngồi ở nhà ông dạy các con cháu học, có làm bài luận Giả Sinh để khuyên bóng, ý bảo cứ nói thẳng quá sẽ có lụy cho mình; nhưng ông không lấy làm phải.

Nhân buổi việc biên khẩn cấp, vua truyền cho các quan văn võ, xem những văn-viên thuộc dưới quyền mình, người nào có học thức, tài biện, lâm sự có chủ kiến và cần đáng được, thì để đạt lên cho vua biết. Các quan trong Sử-quán công cử ông lên, vua truyền ghi lấy tên phòng lúc dùng đến. Nhưng bấy giờ những người cầm quyền chẳng ưa gì ông, nên rồi ông vẫn bị khuất lấp. Một hôm vua đem việc nước tự hỏi Mật-viện, ông Trương Đăng-Quế bảo ông rằng:

— Ông có ý kiến sao không tâu bầy lên?

Ông nói:

— Tâu bầy mà qua tay được tướng-công ư? Nếu tôi có ý kiến mà nói ra được tướng công làm thì dù không tâu bạch cũng chẳng hại gì; còn nếu không làm thì dù tâu bạch cũng vô ích.

(*Còn nữa*)

TRÚC-KHÊ

---

1) Hải các dưới giặc Đông, bằng khuâng thấp nhà Nam.

2) Đào tuyên Minh làm tôi triều Tấn, Tấn mất đã lâu, nhưng ông biên chép vẫn để nghĩa - hy là niên hiệu của triều Tấn.

ĐỂ ĐÍNH CHÍNH NHỮNG BÀI VĂN CỔ

Số 86 *Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều

(*Hồi thứ ba*)

NHẮC lại : Thúy-Kiều viết xong một bài thơ tình, định gửi cho Kim-Trọng, chưng không biết làm thế nào, nghĩ đ nghĩ lạ, đã đến vài ngày. Mới gặp hôm ấy Vương viên-ngoại cùng vợ con đến ngoại-gia ăn mượng thọ, Thúy-Kiều nói dối là có bệnh không đi chờ cho cha mẹ và các em đi khỏi, vội vàng đem vài j g'a bao và một bầu rượu ngon, chạy đến sau vườn hoa, cốt tìm Kim-Trọng, để tạ tấm lòng tìm thoa. Thúy Kiều mới lên đầu tường ngó vào, đã thấy Kim-Trọng ngồi ngay ở trong ấy. Kim-Trọng thấy Thúy-Kiều mừng nhảy lên nói rằng : « Cô thật ác, làm tôi đến chết mất ! » Thúy Kiều trả lời : « Tôi lại không biết chăng có lỉnh thế lắm hay sao ? Nhưng lúc nào cũng vướng có cha mẹ và các em, không làm thế nào được. » Kim-Trọng nói : « Cô đã biết tôi có k ổ tâm, thì dầu chết cũng cam lòng. Nhưng sao hôm nay cô dám cả gan lên đây ? » Thúy Kiều đáp rằng : « Hôm nay nhân dược cả nhà đi ăn mừng thượng thọ, em cáo bệnh không đi, cho nên ta lại được gặp nhau, để tạ cái ơn ngày trước. » Kim-Trọng nói : « Cảm tạ cô-nương đã hao phí nhiều tâm-can ». Nói rồi, nhân lấy thang, trèo lên đầu tường, để hai người gặp mặt. Kim Trọng trông thấy Thúy-Kiều như gặp người tiên, lòng vui xướng không thể tả được.

Thúy-Kiều nhân lấy bài thơ hôm trước, đưa cho Kim-Trọng, rồi nói rằng : Đó là tình cảnh một thời, phát hiện ra lời, xin đưa chàng xem, chàng đủ biết cái tình của em ở đấy. » Kim-Trọng xem xong, nửa sợ nửa mừng, tả sao cho xiết, vội vàng nói rằng : « Cô nương có tài tình như thế, khiến cho người ta chết được. Bài thơ này có thể làm cho hoa rụng, không thể nói được ; phẩm người như cúc, đã đến tuyệt đỉnh, tiểu sinh không thể tán được một lời gì. » Thúy-Kiều nói : « Thơ ấy chưa chắc đã là hay, chỉ sợ chàng yêu em quá, cho nên khen đến thơ của em. Nhưng chuyện ấy xin thôi, em có một việc muốn thương-lượng. » Kim-Trọng hỏi việc gì ? Thúy-Kiều đáp : « Em sửa một chén rượu, muốn cùng chàng uống rượu cho vui, tiếc rằng tường cao người cách, không biết làm thế nào ? » Kim-Trọng mừng lắm, nói rằng : « Cô-nương có mỹ-ý như thế, sao không qua tường nói chuyện ? » Thúy-Kiều trả lời : « Không nên : đây với đấy chỉ cách nhau có một bức tường : mạo hiểm leo qua, vạn nhất có việc gì thì làm thế nào ? Tôi nghe vườn này, vốn là của một nhà, phía sau có giả-sơn làm cách trở, chia làm ba nhà, tường trong chỗ vắng vẻ tịch-mịch này, chắc có lối thông nhau. Tôi cùng chàng vào trong động, xem kỹ một lượt, hoặc có thể đào ra một lỗ hổng, hình như một chỗ Việt-hiểm chăng ? » Kim-Trọng nói : « Có lý, chúng ta xuống đi tìm đi. »

Tìm được một chỗ, hình như cái hang nhỏ, có ánh sáng chiếu đến : đó là mấy tảng đá vỡ, lăn xuống cồng-kềnh. Hai người mừng lắm, nói rằng : « Cầu Lam có lối rồi. » Kim-Trọng nhân lấy sắt hầy những chỗ hổng cho rộng thêm ra, thành một gian lớn, rồi chui qua khe đá đi lại thử, giơ tay định ôm Thúy-Kiều. Thúy-Kiều cự rằng : « Đại lễ chưa cố-

sao dám làm cái thái độ ngông-cuồng ấy? » Kim-Trọng nói: « May đã được cô nương hứa làm vợ chồng, cái cử-chỉ ấy thì vợ chồng nào khỏi được, chứ có gì gọi là ngông cuồng? Nay cô nương lại cự tôi, hay là đã đổi lòng rồi? Thúy-Kiều nói: « Em không đổi lòng nào cả. Em nghĩ con trai con gái yêu mến nhau, là đại nguyện việc vợ chồng, không việc gì mà hại đến danh-giáo. Chỉ giận cho những người lúc đầu vì tình quá nặng, lầm nghe người con trai, đến khi thành lễ hôn-nhân, thì không phải là xử-nữ nữa; nghĩ đến tương lai vô hạn thâm tình, lại hóa ra một trường đại-xú (xấu lớn). Ấy là tại người con gái không biết tự ái, khiến cho người con trai nghi ngờ khinh-bạc, dẫu hối cũng không kịp nữa. Thôi Trương là một đôi giai ngẫu, giả sử lúc đầu nàng Oanh biết cự tuyệt, thì về sau Trương-sinh không đến nỗi buồn rầu; hễ lúc trước chính-đính thì lúc sau tất chính-đính. Tiếc vì thôi-Oanh khinh thân để thỏa lòng Trương-sinh, Trương-sinh tuy thân được gần kề, mà trong lòng thực đã khinh bạc! Người ta chỉ biết Trương-sinh bỏ Thôi Oanh vào khi du học ở kinh, chính ra đã có ý bỏ từ khi hai bên mới chung chăn cùng gối. xin chàng nghĩ đến chung-thân, thiếp phải lấy điều chính-đáng giữ mình. Hai chúng ta thổi sáo ngâm thơ, trông trăng hứng gió, cái thú thanh-nhã của giai-nhân tài-tử bày ra cho hết, nhưng không mắc vào cái tiếng ác là dâm-phụ gian-phu, thì hai chúng ta có thể làm một cái bảng phong lưu trong muôn năm danh giáo, há chẳng phải là việc hay đáng truyền tụng, đáng bắt chước hay sao? » Kim-Trọng nói: « Lâu nay hâm mộ, vẫn nghĩ thầm rằng trộm lấy hương thơm, nay nghe chính-giáo, khiến người đã yêu mà lại kính, tuy vui đa tình mà không xấu hổ, tiền-sinh không dám nghĩ tà-tâm như trước. xin cùng đến lệ quán để tự-tình chốc lát. » Thúy-Kiều nói: « Đã đi thì đi, đợi thiếp mang rượu lại cùng chàng hội ngộ. »

Nói xong rồi đi, được một lát thấy đem một bầu và một hộp lại. Kim-Trọng đỡ lấy, cùng Thúy-Kiều cùng đi. Thúy-Kiều hỏi: « nhà có trẻ con không? » Kim-Trọng đáp: « Từ lúc cô nương đến tôi sai mỗi đứa đi một nơi. » Rồi cùng vào nhà sách: Thúy-Kiều thấy trên treo một cái biển, viết ba chữ « Thừa phương hiên », lại thấy bên tả thì tranh, bên hữu thì sách, rất là tịch-mịch, nhân nói rằng: « Chỗ này tĩnh mịch nhỉ » Kim-Trọng nói: « Nhất là anh học trò ở một mình mà lại gặp cảnh tĩnh-mịch thì buồn chết đi được. » Thúy-Kiều nói: « như bây giờ thì không buồn nữa nhỉ? » Kim-Trọng đáp: « Trừ-phi có Hằng-nga xuống làm bạn thì mới khỏi buồn. » Thúy-Kiều nói: « Hằng-nga ở trên trời kia, có dễ được đâu? » Kim Trọng nói: « Đây là tôi nói Hằng-nga thật, chứ có vọng tưởng Hằng-nga ở trên trời đâu? » Thúy-Kiều nói: « Tôi đâu dám ví vó Hằng-nga, nhưng ví với ngọc không vết, vàng đang trong, thì tôi chẳng chịu nhường ai »... Kim-Trọng rót rượu đưa cho Thúy-Kiều. Thúy-Kiều đỡ lấy uống... Lại rót một chén, đưa cho Kim-Trọng và nói rằng: « xin lấy chén rượu này nâng khăn sửa túi ». Kim-Trọng đỡ lấy nói rằng: « Được cô nương ban cho chén quỳnh-tương này, xin chúc cùng cô-nương sống lâu trăm tuổi ».

Uống xong, Kim-Trọng nhân lấy những thơ xưa nay để vịnh đưa Thúy-Kiều chấm. Thúy-Kiều nói: « Cẩm tâm tú khẩu (lòng nghĩ ra như gấm vóc, miệng nói ra như thêu, ý nói văn-chương hay) thật là danh-nhân một đời, không biết nhà thiếp có phúc được xứng đáng không? » Kim-Trọng nói: « Sao cô nương lại nói những câu gở-lạnh ấy, hay là nghi tôi có điều gì chăng? » Thúy-Kiều đáp: « Thiếp không phải ngại chàng đâu, chỉ vì thiếp nhớ năm còn bé, có một người thầy tướng đoán cho thiếp rằng: một đời tài-tình, nghĩa-thu bạc mệnh. Hôm nọ thiếp đi chơi hội đạp-thanh trở về, lại mộng thấy Lưu Đạm-Tiên, đưa cho thiếp mười đầu bài về đoạn trường, cứ mộng trông ấy sợ thiếp với chàng không thành vợ chồng! » Nói xong chảy nước-mắt. Kim Trọng bắt cặn chén rượu thề rằng: « Tôi là Kim-Trọng, nếu không lấy được Thúy-Kiều làm vợ, xin như chén rượu này » Thúy-Kiều vội vàng gạt nước mắt, nói rằng: « Thôi lời rồi ngày nay ta hợp nhau, sau là nói đến việc đoạn-trường bên-tửa chén rót lại chén khác bao người đối ẩm rất vui. Chợt thấy trên vách có bức tranh vẽ cảnh thông chưa đề thơ, Thúy-Kiều nói bức tranh này nét vẽ đạm-vàng sơ-lược (màu vàng lạt, màu lục

thưa thớt) rất là khéo, sao không đề vịnh? » Kim-Trọng đáp: « Bức tranh ấy chính tay tôi vẽ, chưa kịp đề chữ, cô-nương ngẫu hứng vì tôi mà làm cho tăng sắc được không? ». Thúy-Kiều đang hứng rượu thích tình, vụt có tu-hứng, bèn nói rằng: « Đã là tay chàng vẽ ra, thì thiếp xin vâng lịnh tôn-ý, dàn-dám giấu vụng » Rồi cầm bút đề một bài thơ tứ-tuyệt rằng:

Thập nguyệt khinh hàn diệp vị điêu,
Đạm-hoàng sơ-lục đoản trường điều.
Vô tình hữu thái kham lân xứ,
Nhật giác vân đầu lưỡng bán yêu,

Nghĩa là:

Tháng mười rét ngọt mà lá chưa rụng (lá cây thông); màu vàng thì lạt màu lục thì thưa cành dài cành ngắn so le (nói về nét vẽ); một bên vô-tình, một bên hữu-ý là chỗ hai bên thương nhau; ở góc mặt trời ở đầu đám mây, hai nửa chỉ thấy đằng lưng (tả cảnh vẽ khéo, thì chỉ vẽ một nửa cây hoặc một nửa mặt trời mà trông rất đẹp).

Kim-Trọng thấy Kiều đề vịnh mau chóng mà có ý-vị mới mẻ, bèn khen hết sức, thật là mỗi chữ mỗi viên ngọc, dẫu có mười lăm tòa thành liền nhau cũng không đánh đổi được cái tài ấy. Thúy-Kiều nói: « Xin chàng chớ khen quá như vậy ». Kim-Trọng nói: « Về lối khen thù-phụng thì tôi không hề có lòng nào đối với cô-nương như thế ». Thúy-Kiều hỏi: « Như ý chàng, thì thế nào? » Kim-Trọng nói: « Như ý tôi, thì làm [illegible] vàng để cho thuyền-quyên ở [illegible] xứng đáng ». Thúy-Kiều nói: « Tôi sợ tôi là người bạc-mệnh không được hưởng cái phúc của chàng ». Kim-Trọng nói: « Cứ như tôi xem ra, thì cô-nương là tiên-nữ trên trời, tạm đầy xuống trần; tôi là trần-cốt, được thấy bóng sáng thừa, tay đốt hương cúng dàng, còn sợ chưa được, bà những làm nhà vàng để ở mà thôi! » Thúy-Kiều nói: « Cảm ơn chàng có lòng quá yêu, nhưng không biết cái đời thiếp có báo đáp được tấm lòng yêu của chàng không? » Rồi gục vào trong lòng Kim Trọng khóc nức nở, nói không ra tiếng. Kim Trọng nói: « Hai chúng ta đã chỉ nguyện như thế, bền như sắt đá, thì ông trời cũng nên thương chúng ta, mà làm cho thành việc ». Thúy Kiều nói: « Tạo hoá ghét đầy, mà đến việc ghét tài ghét đẹp lại quá lắm, chàng không thấy việc Kiều Hồng đấy ư? » Rồi lấy vạt áo lau nước mắt. Kim Trọng nói: « Thôi! cô nương cứ yên tâm, vạn nhất có xảy việc gì bất trắc, tôi cũng xin xuất sinh nhập tử, để cho toại lời thề ấy, chứ không chịu làm người bạc hạnh, để phụ một tấm chân tình của cô nương hôm nay ». Rồi ôm lên trên chiếu; lại rót rượu. Thúy Kiều nói: « Ngày đã tối rồi, sợ cha mẹ về, biết đến thì không hay ».

Kim-Trọng nghe Kiều nói về, thì lộ vẻ buồn rầu. Thúy Kiều lại nói: « Thiếp cũng không nỡ dời chàng, nhưng mà nghĩa chưa nên, xin chàng chịu khó chờ đến lễ hợp cẩn. Còn như hôm nay, may mà cha mẹ thiếp chưa về thì chúng ta lại thắp đèn nói chuyện suốt đêm ». Kim Trọng nín lặng, gật đầu mà thôi. Thúy Kiều thu nhặt những bầu đựng rượu và hộp đựng gia hào đem về nhà. Kim Trọng đưa đến giả sơn, chợt nghe có tiếng gõ cửa, Kim Trọng trốn về. Thúy Kiều cất bầu và hộp một chỗ, vội vàng ra mở cửa, thì ra không phải cha mẹ Thúy Kiều, đấy là một người nhà về báo tin cho Thúy Kiều biết vợ chồng viên ngoại đêm nay không về, bảo cô nương đóng cửa đi ngủ sớm. Thúy Kiều nói: « Hiểu rồi », trong lòng mừng rằng Kim Trọng thật là có duyên, cái lời hẹn thắp đèn nói chuyện suốt đêm, lại hoá ra thật, rồi sắm sửa rượu và gia hào, theo đường giả sơn, thẳng đến nhà sách Kim Trọng.

Lúc ấy Kim Trọng đang tựa ghế thiu thiu ngủ, Thúy Kiều đến trước mặt nói rằng: « Mộng Tương vương còn chưa tỉnh ư? Thần nữ đã xuống dương đài đây ». Kim Trọng giật mình tỉnh dậy, nói rằng: « Mộng hay là thật đây? » Thúy Kiều nói: « Tuy bây giờ là thật, biết đâu sau này không là mộng! Chàng nên nhận kỹ chỗ ấy ». Kim Trọng nói: « Sao cô nương lại đến đây được? Thúy Kiều đáp: « May cha mẹ em chưa về, em lại đem rượu và cá để thưởng cho vui ». Kim Trọng nói: Rượu thong thả sẽ uống, cái thời giờ tốt khó gặp được, huống ba sao giữa trời, chính là thời-giờ minh-thệ tốt lắm. Minh-thệ xong, ta sẽ uống rượu không muộn gì. » Thúy-Kiều nói: « Thế thì phải viết ra chữ, xin chàng viết đi. » Kim-Trọng liền cầm bút viết bài minh-thệ rằng: « Đồng-tâm nhân Kim-Trọng Vương-Thúy-Kiều, mỗ niên nguyệt nhật thời, sinh cần dĩ tâm hương nhất fry, thủy lễ nhất chi, đính minh vu Cao-thiên hậu-địa chi linh. Thiết văn: Phu-phụ thượng

nghĩa, nghĩa tại chung thân bất di; nhi-nữ đa tình, tình tại tử sinh vô phụ. Tiền thời Kiều nguyện hữu gia, Trọng nguyện hữu thất, tiền tài mộ sắc, dĩ thâm kết hồ đồng-tâm, Kim nhật, Trọng lự kỳ thủy, Kiều lự kỳ chung, lịch đỏm khuynh tâm, cảm ngôn minh vu dị nhật. Tự minh chi hậu nam kỳ cửu tử vô biến, nữ thệ nhất tiết chung thân. Tùng ngoại lai chi biến, hoặc hữu bất trắc, nhi ngô tâm vĩnh thỉ đoán hồ ngất định. Cầu thân thử minh, thần thiên cộng giám », nghĩa là: « Người đồng-tâm là Kim-Trọng và Vương-Thúy-Kiều, năm tháng ngày giờ này xin dâng một nén tâm-hương, một chén rượu lạt, cùng thề ở nơi linh khí giời cao đất dầy. Trộm nghe vợ chồng chuộng nghĩa, nghĩa ở chung thân không đổi; nhi-nữ đa tình, tình thời sống chết không phụ. Trước kia thì, Kiều muốn có chồng, Trọng muốn có vợ, thương tài mến sắc, đã thâm kết bạn đồng-tâm. Nay nay thì, Trọng lo về trước, Kiều nghĩ về sau, trải mặt phơi lòng, dám đâu thề vào ngày khác. Sau khi đã thề, bên trai thì mong rằng dầu chín phần chết một phần sống cũng không đổi; bên gái thì thề rằng một tiết trọn đời nếu có tai-biến ở ngoài lại, hoặc có việc không ngờ, thì lòng ta chẳng quên, phải quyết đoán nhất định, nếu trái lời thề ấy, thần thánh trên đất cùng soi xét ».

Hai người cùng lạy trời đất, đọc tờ minh thệ, thề xong, mới đem hồ rượu và gia-hào để cùng thưởng ngoạn, rất là vui vẻ (lược dịch *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh-tâm tài-nhân, bản sao của Bác-cổ, số sách A 953, tờ 24 a-31a).

(Còn nữa)

Ứng-hoè NG-VAN-TỐ

Bụi đời... gió cuốn,

ẤY LÀ CON LONG-MÃ !

NGÀY xưa, có một quan-lớn. Quan-lớn ấy đẻ năm ngọ nghĩa là tuổi con ngựa. Lúc quan-lớn đỗ cử-nhân cố nhà sung-sướng bảo với mọi người bằng cái giọng Tào-Tháo khen con là Tao-Thực: « con thiên-lý mã của họ nhà ta đây! » Họ nhà ta lại tán rộng ra nào thầu-mã ư, long câu mã ư, nghĩa là... rút cục quan-lớn có quý tướng của con ngựa.

Trong thời kỳ Pháp-thuộc, quan đã nức tiếng là « rung-thần lưỡng quốc »! Nhiều người bảo quan sở dĩ chèo vùn vụt trên thang công danh là vì có tấm lòng trung ấy nhưng xét cho kỹ ra thì cũng không đúng hẳn. Quan sở-dĩ mới mười lăm năm mà làm tới Tổng đốc chỉ vì quan đã biết dùng cái tài-ba của mình phải lúc và phải chỗ. Có gì đâu, hồi quan còn trị phủ Vĩnh tường, một hôm, lão sứ và vợ sang đó dân-xa; trông thấy lại vợ lão sứ còn ngập ngừng thì quan lớn nhà ta đã vội vàng khom lưng xuống để cho bà-đầm « nhong nhong ». Y chỗ cá hãn-lực của y một cách.. con ngựa quá khiến cụ huyện mốm lúc ấy cũng đứng đấy cũng phải nao lòng mà bật ra thơ:

Khon khôn phủ vĩ h kléo khôn ngầm!
Phờ-phỉnh cu tây cố g mẹ dầm
Đô-vá lắp tai đầu nghễn nghễn,
Hai tay bưng « đếch » mặt bầm bầm.
May thay sương cúng ơn nhờ tổ
Nếu phải đường xa chết bỏ bầm!
Gặp chú phủ Hoài liền bảo nhỏ
Rửa tay thủ-tỉ nhủ nhau thầm

Nghe đâu lúc hấp hối, quan có dặn con cháu khắc bài thơ ấy cheo ở nhà thờ để ghi cái công-nghiệp « hãn mã » của đời mình. Chẳng biết sau con cháu họ tiếc tiền có khắc không, chỉ biết dân « mình được cái nhớ dai lắm. Và tên quan-lớn vì bài thơ ấy mà thanh bất-tử.

CÔ LÝ

Một vấn đề can hệ trong lúc này:

Giấy bạc và giá sinh-hoạt

NGÔ CÔNG

TRONG những năm gần đây, giấy bạc mỗi ngày một nhiều, giá sinh-hoạt cũng mỗi ngày một tăng. Trên bản thống kê, con số giấy bạc và con số giá sinh-hoạt tiến theo hai đường đốc gần giống nhau.

	số giấy bạc lưu-hành trong cõi Đông-dương	giá sinh-hoạt lấy năm 1925 làm tiêu-chuẩn
	triệu bạc	1925 = 100
1935	88,3	78
1936	113,4	76
1937	151,3	93
1938	173 8	107
1939	216,3	124
1940	280 4	145
1941	346.7	178
1942	494 2	231
1943	740,4	375
1944	1.350	667

Người dân không phân biệt bên nào là nguyên nhân, bên nào là kết-quả, chỉ thấy:

1 — bạc càng nhiều thì giá sinh hoạt càng cao,

2 — giá sinh hoạt càng cao thì giấy bạc càng nhiều hơn,

3 — và giấy bạc càng nhiều hơn, thì giá sinh-hoạt lại càng tăng hơn nữa...

Cái vòng quẩn-ốc ấy xoay vần chưa biết đến lúc nào dừng. Càng xoay vần, càng quấn chặt lấy người dân, đã gây ra cái thảm cảnh chết đói đầy đường, đầy chợ.

Biết bao nông dân, cầy sâu cuốc bẫm, đã chết đói vì hoa-lợi còn lại phần mình, không đủ nuôi sống thân mình!

Biết bao người thợ, siêng-năng, cần-mẫn, đã chết đói, vì tiền công không đủ nuôi sống họ!

Nếu không có một sức mạnh của Chính phủ Việt-Nam độc-lập hãm cái vòng quẩn-ốc kia, thì rồi đây — toàn-thể hạng người mưu sống bằng sức sinh-sản của hai bàn tay, từ nghề cạo giấy đến nghề cạo tường, sẽ phải chết đói.

Cái tình thế nguy ngập này — di sản của Chính phủ Đông dương — chứng nhận một sự thất bại rất nặng nề trong công cuộc tổ-chức (hay thiếu tổ chức) nền tài-chính ở xứ ta

Ta thử tìm nguyên-nhân.

***

Vào khoảng 1938, nước Pháp đã bị dồn vào thời kỳ dự bị chiến tranh. Đông-dương — «con cưng của nước mẹ» — đã bắt đầu phải giúp, bỏ của ra giúp. Bao nhiêu vàng, bạc còn lại trên giải đất chữ S, đã sẵn sàng cập bến để lên tàu trẩy đi Tây. Ở các xở khu bạc, và ở các chi-điểm Đông-dương ngân-hàng, đã có lệnh kín thu dần những đồng bào bằng bạc.

Khan hào — một trở-lực bắt đầu nhóm trong vấn-đề tiền-tệ.

Để bù vào chỗ trống bởi hào khan, những người có trách-nhiệm tổ-chức tài-chính ở Đông-dương dùng ngay một phương-pháp dễ-dàng nhất: phát-hành thêm 20 triệu giấy bạc. Họ dùng chính-sách lười-biếng để chữa một chính sách bất-lực.

Năm 1939, nước Pháp lâm vào chiến-tranh, Đông dương lại càng phải giúp nhiều hơn nữa. Nguyên-liệu khoáng-sản, lâm-sản và nhất là nông-sản, cũng cập bến lên tàu, nối theo vàng và bạc.

Chừng ấy của cải ra ngoài Đông dương, là chừng ấy giấy bạc thêm vào nền kinh tế Đông dương. Vì không phải người Pháp đã «lấy không» vàng, bạc, nguyên liệu của chúng ta, họ đã «mua» những của cải ấy — *mua bằng giấy bạc*!

Thêm vào nạn khan hào, nạn nhiều bạc giấy bắt đầu hoành hành người tiêu thụ ở Đông dương.

Công thái 44 triệu phát hành năm 1938 không đủ gây lại thăng bằng của cán cân cung cầu: giấy bạc và hàng hóa.

Rồi tiếp đến cuộc bại trận Pháp, cuộc đổ bộ của Nhật bản ở Đông dương. Đồng bạc (3) đã bị sụt giá theo luật cung cầu, lại còn bị sụt thêm vì ta bắt đầu hoài nghi ?, ta chạy trốn ?

Chạy trốn để đi tìm một bản vị chắc chắn hơn : vàng, bạc được nhiều người mua, lên giá — để làm cho giấy bạc sụt giá, rồi đến những đồng bào bằng bạc, xu đồng, tiền đồng cũng được nhiều người chuộng — cũng lên giá — cũng để làm cho giấy bạc sụt giá. Ảnh hưởng của phong trào ấy là sự tăng giá của hết thảy các thứ hàng hóa.

Hàng hóa tăng, là giá sinh hoạt tăng. Giá nhân công cũng phải tăng thì mới đủ nuôi sống người làm việc. Chính phủ thực dân « khoan hồng » thêm lương, lần thứ nhất, cho công-chức.

Lấy gì để thêm lương ? Trong ngân-sách, món thu hệ-trọng nhất : thuế thương-chánh, đã bị sụt vì chiến-tranh ; món chi về lương công-chức, nếu phải tăng, thì lấy gì để trang-trải ?

Lấy gì để trang-trải những khoản chi về chiến-tranh ?

Lại vẫn dùng cách giải-quyết lười-biếng năm trước : vay ở Ngân hàng phát-hành. (1) Đông-dương ngân-hàng chuyển-giao một số giấy bạc cho Kho-bạc. Kho-bạc dùng số giấy bạc ấy để trả thêm lương cho công-chức, cũng như để tiêu về chiến-tranh.

Cách giải quyết dễ-dãi ấy, vẫn theo cán cân cung cầu, đã làm cho $ sụt một giá nữa. Chính-phủ Decoux đã dùng giấy bạc — *chỉ độc dùng giấy bạc* — để « nâng cao đời sống cho công-chức » 5 lần *tức là đã 5 lần, bắt buộc nông, công, thương tăng giá hết thảy các thứ sản-phẩm.*

(Xem tiếp trang 20)

Thuyết chính danh...

(Tiếp theo trang 5)

8) *Nguyễn-Thái-Học.* — Lãnh tụ Việt Nam Quốc dân đảng, hy sinh cả đời về việc nước, chí chưa được thành, thân đã bị hại. Trong thời Pháp thuộc có sai đảng viên hành binh hai nữ gián điệp ở ngõ Tri Tri trên phố Đường Cát. Vậy nay, nên lấy con đường từ ga An-Dương gồm phố Đường Cát giải thẳng qua ga tư là phố Clémenceau, đến tận ngã sáu, gọi là đường Nguyễn-Thái-Học để ghi nhớ cái chí bình sinh của một trang thiếu niên anh kiệt.

9. *Trần-Quốc-Tuấn* — Năm Đinh Hợi (1287) quân Nguyên lại sang báo thù, sau trận Vân Đồn Trần khánh Dư cướp được lương thảo của giặc, Đức Trần Hưng-Đạo được tin báo Ô-Mã-Nhi kéo quân về đến Bạch đằng giang, ngài bèn bỏ quân sĩ, trở sông Hóa mà thề rằng : « Trận này không phá xong giặc Nguyên thì thề không về đến sông này nữa. »

Quân sỹ đều hăng hái xin quyết chiến, lúc quân sang qua sông Hóa, voi của Ngài bị sa lầy mà chết, ngài lại kéo quân qua đây thẳng ra Bạch-đằng giang chiến, rồi bắt sống được Ô Mã Nhi. Hiện làng Phú xá gần thành phố Hải-Phòng cũng có đền thờ ngài.

Vậy nên lấy con đường suốt Sầu kho từ chùa Đỏ đến bến đò Bình gọi là đường Trần Quốc Tuấn để kỷ niệm trận Bạch Đằng giang (ngày tháng ba năm Mậu Tý 1288).

10) Phan-Bội-Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn-thượng Hiền Tăng-Bạt-Hổ đều là những vị trí sỹ đi ra Hải ngoại để mưu đồ việc nước, có trú ngụ ở đây cả, vậy nên nhớ lấy tên những vị đó mà đặt để ghi cái dấu vết cuộc đông du.

***

Đến như các công viên, việc lựa trọn tên lịch sử đặt vào cũng cần phải có một chút ý nghĩa ; như vườn Bách thảo tức là vườn hoa Huyện Rào nên đặt là Công Viên Hồng Đức vì vườn đó to nhất của thành phố mà Hồng Đức là niên hiệu (năm 1470-1497) của vua Lê Thánh Tôn là thời kỳ thịnh nhất Triều Lê.

Vườn hoa Jules Ferry nên đổi là Công Viên Vạn Xuân quốc hiệu của ông Lý Bôn đặt năm giáp tý (544) khi đã đánh phá quân Lâm ấp và đuổi quân nhà Lương lên làm vua xưng là Nam Việt Đế.

Vườn hoa trước nhà hát lớn nên đổi là Công viên Độc Lập để kỷ niệm nền độc lập ngày 25 tháng riêng, vì độc lập tuyên bố ở đó.

Trên đây là ý kiến thiển cận của tôi theo thể cách xưa nay và thuyết chính danh mà tạm phác còn mong các học giả lưu-tâm xem xét kỹ càng, đặt lại tên các đường ở các tỉnh cho xứng đáng sau này là một nước văn hiến trong cõi Á đông, để khỏi phụ á công sây đắp của tổ tiên ta hơn bốn nghìn năm nay vậy.

Núi kia ai đắp mà cao ?
Sông kia ai bới ai đào mà sâu ?

(Ca dao)

LONG ĐIỀN

Yêu - Ly

(hay là « Yêu Ly nương sức gió »)

LƯU-QUANG-THUẬN

KỊCH DÀI BẰNG THƠ

Ba hồi và một khai-từ
Ba cảnh

CÁC VAI

Yêu Ly	*Võ tướng*
Vợ Yêu Ly	*Khánh-kỵ*
Con Yêu Ly (8 tuổi)	*Thám mưu*
Tiêu khâu Tố	*Tả hữu của Hạp-Lư*
Ngô-hạp Lư	*Tả hữu của Khánh-Kỵ*
Quân-sư	*Quân chèo*

Khai-từ

(Cảnh một)

(Mở màn, cảnh đêm trong lớp nhà tranh của hàn-sĩ. Bên vách có đàn và giá sách. Lùi vào trong có án-thư Đèn bấc trên chiếc kệ thấp.

Vợ Yêu Ly quay tơ dưới ánh đèn lưng về bên trái, đầu cúi trên xa tơ, tóc hơi tiễ-tràng).

Lớp I

Vợ Yêu Ly

Vợ Yêu Ly (dừng tay nhìn ra cửa)
Chàng dự tiệc sao bồi-gia quá muộn!
Nhà Khương-Lang chỉ nửa dặm cùng thôn. . .
(quay tiếp)
Thương phu quân nghĩa-khí nặng tâm-hồn,
Thời-thế khuất, can-trường thôi cũng phí.
Đàn với rượu không làm khuây ẩn-sĩ,
Năm trôi qua thêm lòng ngán-ngao lòng!
Phận thoa-quần thiếp chẳng dám chi mong,
Buồn cho nỗi mày râu không thỏa-nguyện,

Lớp II

Vợ Yêu Ly. Con Yêu Ly

Vợ Yêu Ly (thấy con từ trong ra)
Con không ngủ?

Con Yêu Ly
Thưa mẹ vì nghe tiếng
Mẹ buồn nên con thức giấc.
Đêm khuya sao cha con dự tiệc mãi chưa về,
Khiến mẹ đợi trong bốn bề đêm tối?

Vợ Yêu Ly
Vui trong tiệc không thấy giờ qua vội.
Cha con buồn thỉnh thoảng muốn say-sưa.
(vuốt ve con)
Từ lâu năm, mắt mẹ đã quen chờ,
Nhiều đêm tới lúc gà xa gáy sáng,
Đèn leo-lắt với guồng tơ cô bạn.
Nhưng khuya rồi thôi vào ngủ đi con.

Con Yêu Ly
Mẹ vẫn ngồi, con vào ngủ sao ngon?
Cho con thức để chờ cha một thể.

Vợ Yêu Ly
Lòng tôi ấm nghe lời ngoan miệng trẻ!
Trời ơi sao vừng trán giống như in!
Cầm hiên-ngang và đôi nữa mắt nhìn,
Lời êm ái tưởng là nguyên giọng nói.
Cho thiếp sống tới lưng còng trán hói,

Cho thiếp nhìn mắt nọ chói non sông!
Cho thiếp nghe từng bước của con, chồng,
Đi vững-chãi trên dặm hồng bụi cuốn.
Chén tân-khổ, nếu cần, đưa thiếp nống;
Thức canh gà, cần, sẽ thức muôn đêm.

Con Yêu Ly

Yếu trong người mẹ còn muốn thức thêm,
Cần chi phải mẹ ngày đêm chịu khổ?

Vợ Yêu Ly

Chân con thơ mới là chân bé nhỏ,
Lớn lên rồi chân sẽ bỏ chân đi.
Mẹ sẽ cùng đèn lụn đếm canh khuya,
Lòng mẹ gởi theo con xa cách dặm,
Cành khô héo cho hoa tươi nở thắm.

Con Yêu Ly (ôm cổ mẹ)

Con sẽ làm đời mẹ sướng vui luôn.
Con không đi con không để mẹ buồn.

Vợ Yêu Ly

(nửa như nói với con nửa như nói một mình)
Con không nhớ những lời cha vẫn dạy?
Con sẽ sống khắp phương trời bay nhảy,
Mũi tên bồng đã bắn lúc sinh con.
Mong thận trai đừng hồ với nước non.
Nhớ từ thuở bào-thai trọng bụng mẹ,
Chân tay con mỗi lần nghe chuyển nhẹ,
Tính tháng ngày mẹ sung sướng bao nhiêu,
Sinh ra con mơ ước lại tăng nhiều,
Trông chóng lớn để vẫy vùng mưa gió.
Mẹ hằng tưởng ngày con ra khỏi ngõ,
Chân tung hoành, lòng thở gió trăm phương...

Con Yêu Ly

Nhưng con đi để mẹ thức đêm trường
Ngày tóc bạc lại vì con khổ trí...

(Yêu Ly về tới cửa)

***

Lớp III

Vợ Yêu Ly. Con Yêu Ly. Yêu Ly.

Vợ Yêu Ly.

Chào phu tướng.

Yêu Ly.

Phu nhân sao chửa nghỉ?

Vợ Yêu Ly.

Thiếp đợi chàng.

Yêu Ly.

Quá phiền đạ phu nhân!
Ta đi thâu canh, nàng thức kể bao lần
Và con nữa sao giờ khuya chửa ngủ?

Con Yêu Ly.

Cùng với mẹ, con thức chờ thân phụ

Yêu Ly.

Canh hai rồi, ai bắt thức, con ta!

Vợ Yêu Ly.

Quay khoanh tơ, nhân thể thức trông nhà
Và đợi cửa, phu quân sao nỡ cấm.

Con Yêu Ly.

Không có mẹ, con nằm không đủ ấm
Nên ra ngồi bên, ngắm mẹ quay tơ.

Yêu Ly.

Khổ thay cho tôi, vợ thức con chờ!

Vợ Yêu Ly.

Lời quá dạy. Khuya rồi, trăng xế bóng,
Chàng vào nghỉ, cửa ngoài thôi thiếp đóng.

Yêu Ly.

Không, không nên — Nàng để mặc cho Ly.
Hôm nay ta nằm đợi suốt đêm vì...

Vợ Yêu Ly.

Ai sẽ đến?

Yêu Ly.

Một người trong bữa tiệc
Vì kiêu ngạo đã bị ta mắng nhiếc.

Vợ Yêu Ly.

Ai?

Yêu Ly.

Người phương xa, tên Khâu Tố họ Tiêu,
Nghe phong-phanh đường võ nghệ ít nhiều
Nhưng lời nói khoe khoang; theo miệng gã
Thì hôm trước giao phong cùng Hà bá
Dưới lòng sông — thủ đoạn quá phi thường —
Hào-kiệt trên đời không sức tương đương...
Ta ngưng chén buông cao lời xỉ mạ,
Gã cùng lý không biết gì nói trả;
Nhưng vũ-phu đã nộ-khí lên đầu,
Cơn giận nầy gã chẳng bỏ qua đâu:
Đêm nay sẽ đến nhà ta rửa nhục.
Cho gã đến!

(Còn nữa)

LƯU-QUANG-THỤ

GIẤY BẠC...

(Tiếp theo trang 17)

Nói rằng chính-phủ bất lực và người biếng ấy không để ý đến việc cải thiện vấn-đề tiền-tệ, thì cũng hơi ngoa. Mấy ông cầm đầu ở Đông-dương hình như đã nặn óc bóp trán để giữ lấy giá cho $

Để tránh nạn khan hảo, họ đã phát ành rong những năm 1940, 41 và 42, 15 triệu áo « gỗ », thứ áo bằng kẽm pha đồng, và hơn 1 triệu xu kẽm. Năm 1942, họ đã mua ở Nhật 600.000$ bằng xu 1/4.

Nhưng những con số ấy có thấm gì được hào giấy và xu giấy!

Xu thiếc, 5 xu và 1 xu, xuất-hiện năm 1943, lại càng đặt thêm một tiêu-biểu rõ ràng cho sự sụt giá quá chừng của $

Đó là tang-chứng của một chính phủ bất-lực trong vấn đề tiền-tệ.

***

Ta đã thấy rõ nguyên-nhân. Ta đã biết cái gì là động-lực khiến vòng quấn-ốc trên kia xoay vần để quấn lấy người tiêu-thụ ở Đông-dương cho đến nỗi phải chết đói.

Là phần-tử của nước Việt-nam, ta có bổn-phận giúp đỡ Chính-phủ Việt-nam độc-lập để hãm cái vòng quấn-ốc nguy-hiểm ấy. Hiện-thời, ta đã cầm được đằng cán; ta không cần chạy trốn $ nữa. Ta đã có thể tin ở $ rồi. Một ngày gần đây, Chính-phủ Việt-nam ta sẽ có thời-giờ (*và quyền-hạn*) để nói-chuyện với Đông-dương ngân-hàng, để nhận lại thực-giá của ngót 2 nghìn triệu giấy bạc mà ngân-hàng ấy đã tung ra trên đất nước Việt-nam.

NGÔ-CÔNG

(1) Tính đến cuối năm 1944, kho bạc nợ Đ. D. N. H. 200 triệu!

HƯƠNG BINH

(Tiếp theo trang 7)

nhưng chưa quen kỷ luật, lúc vào lính điều khiển chưa được chỉnh tề. Ta ngày đêm lo nghĩ thương dân, nuôi quân, bắt chước cái ý « ngụ binh ở nông » của người xưa. Nhưng thời thế đổi thay, chọn cái phải mà làm, duy lối phủ binh của nhà Đường rất là phải phép, phải nên châm chước thi hành, bèn đặt các phủ ở 4 trấn, mỗi phủ đặt một vệ, chọn một quan văn, một quan võ làm Tuần phủ quản lĩnh quân trong vệ, chiểu theo xã nào thuộc phủ nào, cứ 5 người dân lấy một người lính, cấp cho lương tháng, sung vào đội ngũ, thay đổi phiên ở lại làm việc cốt cho tinh thuộc, để dùng vào vỗ phục, có cái trách nhiệm riệt xung bỏ hẳn cái lo hoàng trì lộng giáp. Ấy là thi hành theo thời, chuẩn cho châm chước đời xưa, không phải là muốn thay đổi để bầy ra những việc mới đâu! Lời ban ra thi hành ngay, nhưng tuyên bố xa gần để đều mắt thấy tai nghe.....

Thi hành tờ chiếu dụ trên lúc ấy mỗi vệ đều đặt 1 chức Đội trưởng, cho vệ quan kén chọn lấy binh viên trong làng và tổng trưởng phải chép thành danh sách dâng lên chúa Trịnh, nộp ở Binh phiên, binh phiên chép lệnh ban cho làm việc.

Các vệ quan lại được phép chọn ở trong hạt, tìm chỗ đất tiện lợi, cho lấy 40 mẫu quan điền để làm vệ sở, các công việc đều dưới quyền kiểm soát của quan Trấn Thủ, nếu khi có việc cần cấp phải thay nhau tùy cơ đánh giặc hay chống cự.

Đến năm Cảnh-Hưng thứ 9 (1748) đem vệ binh ở phủ đặt ra cơ đội; 300 người làm một đội, 400 người làm một cơ.

Năm thứ 10 cũng niên hiệu Cảnh-Hưng (1749) ở Sơn-nam có hai Nhất hùng, Nhị hùng và 6 đội: Hùng nhất cho đến Hùng lục. Ở Kinh Bắc có 2 cơ: Nhất dũng Nhị dũng và 5 đội: Dũng nhất đến Dũng ngũ (1).

Sét trong thời Cảnh Hưng giặc giã như ong nên phải dùng ca dẫn hương binh, tức là thi hành chính sách « tận dân vi binh ».

Hiện nay, nước ta cũng đang ở vào trường hợp đặc biệt cần phải có một quân đội ứng phó, há không nên soi gương các điều triều mà tu chỉnh việc võ bị.

TIÊN-ĐÀM

(1) *Trích ở tài liệu trong cuốn Lược khảo binh chế Việt nam đang soạn.*

Trước giờ cứu quốc

(Tiếp theo trang 6)

Trước bàn thờ của tổ quốc, khẩu hiệu độc nhất của mọi người là:

« *Đoàn kết và hi sinh để chiến đấu cho nền độc lập* ».

Ông cha chúng ta và chúng ta đã từng hiểu sâu xa cái nhục của cảnh nước mất nhà tan.

Đừng để con cháu chúng ta phải làm tôi mọi hèn sài lang trong muôn kiếp.

Hãy bỏ hết cảm tình vụn vặt nó trói buộc chí tiến thủ của chúng ta.

Hãy lãng quên những tình yêu gia quyến nó làm mềm yếu tinh thần chiến đấu và chí quật cường của chúng ta.

Hết thảy mọi người hãy đem xương máu cứu vớt non sông trong những giờ nguy kịch.

Đứng hết cả ên, hỡi các bạn để chờ tiếng gọi của tổ quốc!

PHẠM-MẠNH-PHAN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA: Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý: Nguyễn-Tường-Phượng Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chanceaulme, Hanoi